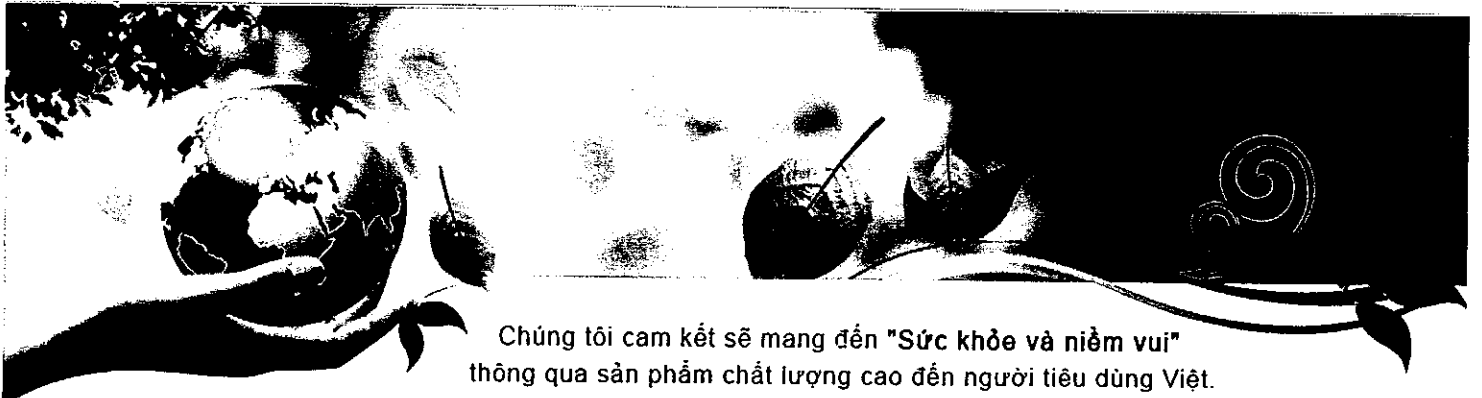




CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



Chúng tôi cam kết sẽ mang đến "Sức khỏe và niềm vui"
thông qua sản phẩm chất lượng cao đến người tiêu dùng Việt.

NỘI DUNG

Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị	3
I. Thông tin chung	5
1. Thông tin khái quát	5
2. Lịch sử hình thành và phát triển	5
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	9
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	17
5. Định hướng phát triển.....	21
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	24
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	24
2. Tổ chức và nhân sự.....	26
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	28
4. Tình hình tài chính.....	29
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	30
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	32
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	32
2. Tình hình tài chính.....	32
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	32
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	34
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	34
6. Trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	35
IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty.....	36
1. Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh.....	36
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.....	36
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.....	37
V. Quản trị công ty	38
1. Hội đồng Quản trị	38
2. Ban kiểm soát.....	40
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	40
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan.....	42
5. Hợp đồng và giao dịch của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan...42	
VI. Báo cáo tài chính	43

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Được thành lập từ ngày 16/11/1991, với bề dày kinh nghiệm gần 30 năm trong lĩnh vực nước giải khát, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood) luôn tự hào là một trong những Công ty hàng đầu sản xuất và kinh doanh nước giải khát ở thị trường Việt Nam với uy tín và thương hiệu lớn mạnh, được sự tin tưởng của nhiều đối tác, sự ủng hộ của các khách hàng trong và ngoài nước.

Năm 2020 đã đi qua, đại dịch Covid-19 vẫn còn ở lại, điều đọng lại trong mỗi chúng ta là nhận thức được rằng yếu tố quan trọng nhất đối với mọi người chính là “Sức khỏe”. Những sản phẩm được đánh giá cao về sức khỏe như nước uống trái cây và sản phẩm sữa đang tăng trưởng. Định hướng “Thức uống sức khỏe – chức năng” trong kế hoạch của Interfood đã đáp ứng với xu hướng thời đại hơn bao giờ hết.

Chúng ta hãy xem Covid-19 như phép thử, là cơ hội để Interfood có dịp nhìn lại những bước đi, những thay đổi trên con đường hướng đến phát triển của Công ty. Trên những chặng đường phát triển đầy cam go và thử thách, phát triển bền vững trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu của Interfood và việc xây dựng một **“Công ty vì sức khỏe và hạnh phúc của người Việt”** thông qua việc kinh doanh thức uống mang đến sự an toàn – an tâm là một chiến lược phát triển bền vững - đảm bảo sự phát triển lâu dài cho tương lai của Interfood.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng nhận ra rằng triết lý kinh doanh của Tập Đoàn Kirin đã được Ban Giám đốc của Interfood triển khai triệt để đến các phòng ban và các nhân viên của Interfood đó là sự kết hợp giữa giá trị kinh tế và giá trị xã hội và nó được thông qua việc quản lý CSV. Đây là triết lý kinh doanh hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với xu hướng phát triển toàn cầu.

Năm 2020 là một năm khủng hoảng kinh tế trên diện rộng khiến các công ty phải lao đao, mặc dù Công ty Interfood không đạt kết quả như kỳ vọng của kế hoạch về doanh thu cũng như lợi nhuận, nhưng Công ty Interfood đã không ngừng nỗ lực vượt qua khó khăn và vượt qua khủng hoảng kinh tế, đồng thời đã kiểm soát tốt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoạt động kinh doanh ổn định với doanh thu thuần đạt 80% theo kế hoạch và kinh doanh có lãi với tổng lợi nhuận sau thuế là 155 tỷ đồng.

Để đạt được kết quả như trên nhờ sự chỉ đạo bản lĩnh, linh hoạt, đầy sáng tạo của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc của Công ty và nỗ lực thực hiện nhiệm vụ của các nhân viên đã đưa Công ty Interfood vượt qua khó khăn và đã đạt được kết quả hoạt động kinh doanh ổn định và lợi nhuận như trên.

Năm 2021 được xem là rất thách thức trong bối cảnh ngành sản xuất kinh doanh nước giải khát cạnh tranh gay gắt và khốc liệt hơn từ trước đến nay, cũng là năm Interfood bước vào giai đoạn 2 **“ Công ty phát triển và hoàn thiện hơn”** nên đòi hỏi mỗi nhân viên phải tập trung cao độ, nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ, trách nhiệm của mình, của bộ phận mà mình phụ trách. Và hơn thế nữa, chúng ta phải thực hiện tốt những nhiệm vụ đó thông qua các “Hoạt động đúng” kết hợp với các đề xuất cải tiến nghiệp vụ của phòng ban và tổ chức.

Chặng đường phía trước của Công ty Interfood sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự ủng hộ của quý cô đồng, đối tác, khách hàng, sự nỗ lực, đoàn kết của toàn thể nhân viên Công ty, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh, linh hoạt, đầy sáng tạo của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc của Công ty, Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Công ty sẽ hoàn thành mục tiêu chiến lược đề ra đó là tạo dựng nên thương hiệu KIRIN – WONDERFARM uy tín, vững mạnh trên thị trường trong và ngoài nước, đồng thời mang đến những giá trị thiết thực cho tất cả Quý cô đồng, quý đối tác, quý khách hàng.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của quý cổ đông, quý đối tác, quý khách hàng cùng toàn thể CBNV Công ty đã đồng hành cùng Công ty Interfood trong suốt quá trình chinh phục thử thách, thực thi sứ mệnh đưa Công ty Interfood thật sự là “**Công ty vì sức khỏe và hạnh phúc của người Việt**”.

M.S.D.N : 360024011
Hội đồng Quản trị
CÔNG TY
CÔ PHÂN
THỰC PHẨM
QUỐC TẾ
TP. BIÊN HOÀ - TỈNH ĐỒNG NAI



TAKESHI FUKUSHIMA

I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood)
- Địa chỉ: Lô 13, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600245631
- Vốn điều lệ: 871.409.920.000 VNĐ
- Số điện thoại: (0251) 511 138 - Fax: (0251) 512 498
- Website: www.wonderfarmonline.com
- Mã cổ phiếu: IFS

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1991 Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế (“IFPI”) – được thành lập vào ngày 16/11/1991 theo giấy phép đầu tư số. 270/GP được cấp bởi Ủy ban Nhà nước về Hợp Tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư). IFPI là Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động theo luật Đầu Tư Nước Ngoài tại Việt Nam. IFPI hoàn toàn sở hữu bởi Trade Ocean Exporters Sdn Bhd (Penang, Malaysia). Vào năm 1996, IFPI đổi chủ sở hữu sang Công ty Trade Ocean Holding Sdn Bhd (Penang, Malaysia) theo giấy phép số 270/GPDC5 ngày 26/02/1996 được cấp bởi Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.

Hoạt động chính ban đầu của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm để xuất khẩu với tổng vốn đầu tư ban đầu là 1.140.000 đô la Mỹ.

1994 Công ty mở rộng kinh doanh bằng việc thâm nhập vào thị trường bánh.

2003 Công ty được phép sản xuất các sản phẩm nước trái cây có ga và nước trái cây có độ cồn nhẹ (5%); vốn đầu tư của Công ty tăng lên thành 23.000.000 đô la Mỹ.

2004 Tháng 4/2004, Interfood ký hợp đồng sản xuất với AVA Food Industries Ltd. để giảm bớt sự hạn chế về mặt bằng, nhà xưởng và vật tư tại nhà máy Biên Hòa, theo đó, AVA sẽ cung cấp các tiện ích sản xuất và Interfood sẽ cung cấp máy móc và kỹ thuật để sản xuất các sản phẩm của Interfood.

2005 Tháng 1 năm 2005, Công ty được phép sản xuất thêm sản phẩm nước tinh khiết và chai PET. Tổng vốn đầu tư của Công ty tăng lên 30.000.000 đô la Mỹ.

Từ ngày 09/08/2005, Công ty được chuyển thành công ty cổ phần dưới tên Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“IFS”) theo Giấy phép số 270 CPH/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. IFS là một trong 6 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên được Bộ Kế hoạch Đầu tư chấp thuận chuyển đổi hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Nghị định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30.000.000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13.000.000 đô la Mỹ.

- 2006** Công ty chuyển trụ sở và nhà máy chính đến địa điểm mới là Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trong năm này, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng nâng tổng vốn góp chủ sở hữu lên 242.841.600.000 đồng (tương đương 24.284.160 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ CP). Ngày 17 tháng 10 năm 2006. Công ty niêm yết 3.620.560 cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) dưới mã chứng khoán: “IFS”.

- 2007** Ngày 16 tháng 10 năm 2007, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 5:1; theo đó nâng tổng số cổ phần của Công ty được niêm yết tại HOSE là 6.875.359 cổ phần. Tổng vốn đầu tư đăng ký của Công ty tăng lên 1.444.500.000.000 đồng (tương đương 90.000.000 đô la Mỹ) và vốn điều lệ là 291.409.920.000 đồng (tương đương 29.140.992 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ CP) Năm 2007, IFS mua lại 90% vốn góp tại Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA (“AVA”) (trước đây là AVA Food Industries Ltd) và trở thành cổ đông chi phối của công ty này. Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm và cho thuê nhà xưởng.

- 2008** Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Cổ Phần Bao bì Thực phẩm Quốc Tế) đã thành lập với 90% vốn thuộc sở hữu của Công ty, với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 32 triệu đô la Mỹ và 10 triệu đô la Mỹ. Hoạt động chính của Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế là sản xuất bao bì thực phẩm và nước giải khát.

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế Miền Bắc đã được thành lập ở Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 36 triệu đô la Mỹ và 11 triệu đô la Mỹ. IFS chiếm 90% vốn của công ty này. Tuy nhiên, Công ty không thể thu xếp được nguồn vốn cho dự án hoạt động và đã hoàn tất việc chấm dứt

dự án trong tháng 12 năm 2010.

2009 Cuối năm 2009, Công ty đã ngừng hoạt động nhà máy tại trung tâm Thành phố Biên Hòa và di dời tất cả các dây chuyền sản xuất, thiết bị và hàng tồn kho đến nhà máy trong Khu công nghiệp Tam Phước.

Trong năm 2009, Công ty đã chuyển nhượng 70% vốn góp tại Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế cho Crown Packaging Investment Pte.Ltd.và trở thành cổ đông thiểu số nắm giữ 20% vốn góp tại công ty này. Sau đó, Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế đã đổi tên thành Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”).

2010 Công ty đã nhượng bán 20% lợi ích đầu tư còn lại của mình tại Crown Đồng Nai cho Crown Packaging Investment Pte. Ltd.

2011 Ngày 11 tháng 3 năm 2011, Kirin Holdings Company Limited (“Kirin”) đã mua toàn bộ cổ phần của Trade Ocean Holding Sdn Bhd. (“TOH”) và thông qua TOH, Kirin sở hữu 57,25% cổ phần IFS. Kirin là một trong những công ty sản xuất thực phẩm lớn trong khu vực, một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Tokyo.

2012 Tháng 6 năm 2012, Kirin tăng cổ phần của mình trong IFS lên 80,37% (tương đương 23.421.955 cổ phiếu) thông qua việc TOH mua lại tất cả các cổ phiếu đang lưu hành của Indochina Beverage Holdings (“IBH”) – Công ty đang nắm giữ 23,12% (tương đương 6.737.309 CP) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Interfood.

Tháng 12 năm 2012, toàn bộ cổ phần trong Grande Indigo Global Ltd. (bao gồm 1.938.327 cổ phiếu của Interfood) được Kirin mua lại, Grande Indigo Global Ltd. trở thành một công ty liên kết với TOH và IBH.

2013 Công ty tăng vốn điều lệ từ 291.409.920.000 đồng thành 501.409.920.000 đồng (tương đương 50.140.992 CP), thông qua đợt chào bán cổ phần riêng lẻ cho Kirin Holdings Company Limited, nâng tỷ lệ cổ phần của Kirin tại Công ty lên 92,46%.

Theo Thông báo số 395/2013 của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết từ ngày 3 tháng 5 năm 2013 và sau đó giao dịch trên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam..

2014 Công ty tăng vốn điều lệ từ 501.409.920.000 đồng thành 711.409.920.000 đồng (tương đương 71.140.920 CP), thông qua việc phát hành riêng lẻ 21.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Company Limited.

2015 Công ty tăng vốn điều lệ từ 711.409.920.000 đồng thành 871.409.920.000 đồng (tương đương 87.140.920 CP), thông qua việc phát hành riêng lẻ 16.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd. (“KHSPL”), công ty con 100% vốn đầu tư của Kirin Holdings Company, Limited (“Kirin”).

Để thống nhất cơ cấu quản lý các công ty con trong Tập đoàn Kirin tại khu vực Đông Nam Á, cuối tháng 12 năm 2015, Kirin đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình tại IFS cho KHSPL. Theo đó, KHSPL hiện đang nắm giữ 83.360.282 cổ phần IFS, tương đương 95,66% vốn cổ phần của IFS.

2016 Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-SGDHN ngày 07/11/2016 của SGDCK Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Thực phẩm Quốc tế, ngày 16/11/2016, cổ phiếu IFS đã chính thức giao dịch trên hệ thống UPCoM.

Căn cứ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty năm 2016, Công ty đã tiến hành việc chấm dứt kinh doanh sản phẩm bánh của IFS và công ty AVA để tập trung nguồn lực phát triển ngành kinh doanh chủ lực là Nước giải khát.

2020 Ngày 07 tháng 4 năm 2020, Công Ty đã mua cổ phần của toàn bộ các cổ đông khác tại công ty con là Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava (“AVA”) nhằm tăng quyền kiểm soát của Công Ty tại AVA.

Ngày 10 tháng 4 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2020 đã chấp thuận việc sáp nhập CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM AVA vào CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ.

Ngày 30 tháng 06 năm 2020, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai chấp thuận và ban hành Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp về việc sáp nhập AVA vào CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ. Theo đó, Công ty sẽ kế thừa toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của AVA theo quy định của pháp luật Việt Nam, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của AVA.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

❖ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: chế biến nước trái cây không ga và có ga, chế biến nước giải khát không ga và giải khát có ga không cồn hoặc có độ cồn thấp (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước tinh lọc.
- Sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát.
- Chế biến và bảo quản rau quả: chế biến nông sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối, ngâm dấm.
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn: sản xuất các loại bánh và thức ăn nhẹ.
- Sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

❖ CÁC DÒNG SẢN PHẨM

Thương hiệu	Mô tả
-------------	-------



WONDERFARM là **thương hiệu thức uống lâu đời** trong mỗi gia đình người Việt. Ngày nay, với sự chăm chú của tập đoàn KIRIN Nhật Bản từ khâu tuyển chọn nguyên liệu cho đến khâu chế biến thủ công, sản phẩm **WONDERFARM thật sự đậm đà hương vị truyền thống Việt Nam.**

Sản phẩm WONDERFARM được chế biến từ các loại trái cây tự nhiên chứa nhiều giá trị dinh dưỡng và có lợi cho sức khỏe. Với công nghệ hiện đại và quy trình sản xuất được quản lý chặt chẽ đã tạo ra các sản phẩm nước giải khát mang đậm hương vị thiên nhiên, với lượng đường vừa đủ giúp người tiêu dùng dễ dàng, tiện lợi trong việc thưởng thức sản phẩm nước trái cây bổ dưỡng mỗi ngày.

KIRIN

Là thương hiệu Nhật Bản trên 100 năm, KIRIN tự hào mang **niềm vui và sức khỏe** đến người tiêu dùng **thông qua những sản phẩm chất lượng cao**, được chế biến theo kỹ thuật **công nghệ tiên tiến** đúc kết bởi kinh nghiệm của tập đoàn hơn 100 năm qua tại Nhật Bản.

Sản phẩm KIRIN và WONDERFARM chai PET được sản xuất theo dây chuyền Aseptic - công nghệ chiết rót vô trùng hiện đại của Nhật Bản tại nhà máy KIRIN Việt Nam - giúp sản phẩm giữ được hương vị tự nhiên, đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm, không dùng chất bảo quản và màu nhân tạo.

- **SẢN PHẨM WONDERFARM**

Trà Bí Đào WONDERFARM với thành phần làm mát tự nhiên giúp thanh lọc, giải nhiệt cơ thể.



Nhãn hiệu nổi tiếng được ưa chuộng gần 30 năm qua, được xem là sản phẩm Trà Bí Đào bán chạy nhất tại Việt Nam:

- Nguyên liệu tự nhiên: sản xuất từ trái bí đào tươi, cho hương vị tự nhiên và thơm ngon.
- Tốt cho sức khỏe: giới thiệu Trà Bí Đào WONDERFARM ít đường đáp ứng nhu cầu của những khách hàng quan tâm về sức khỏe.
- Thêm lựa chọn với Trà Bí Đào WONDERFARM chai nhựa tiện dụng phù hợp với cuộc sống năng động.

Nước Yến WONDERFARM giá trị dinh dưỡng cao, thích hợp làm quà cho bạn bè, người thân.



Nước Yến Ngân Nhĩ và Nước Yến Cao Cấp có chứa thành phần dinh dưỡng cân bằng, được chế biến có chứa tổ yến thật kết hợp với đường phèn để tạo ra sản phẩm thơm ngon và có lợi cho sức khỏe.

Thích hợp khi dùng cho việc phục hồi sức khỏe hay các bữa tiệc chung vui cùng gia đình, bè bạn. Ngoài ra Nước Yến WONDERFARM còn rất thích hợp khi dùng làm quà biếu tặng.

Nước giải khát WONDERFARM

Được chế biến từ nguồn nguyên liệu tươi phong phú tại Việt Nam, vừa giúp đảm bảo được nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm vừa đảm bảo hương vị mang tính truyền thống, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng Việt.



Nước cốt dừa WONDERFARM thơm ngon nguyên chất là nguyên liệu không thể thiếu trong bếp của bà nội trợ Việt.



Sản phẩm nước dừa được sản xuất trực tiếp từ nguồn nguyên liệu dừa tươi tại Bến Tre để tạo ra nhiều loại sản phẩm với hương vị và cách thức sử dụng khác nhau. Mỗi loại sản phẩm đem đến sự đa dạng trong sử dụng.

Được tin dùng trong cuộc thi Master Chef Việt Nam và các nhà hàng trên toàn quốc.

• SẢN PHẨM KIRIN

KIRIN Ice+

Ice+ là dòng sản phẩm Nước vị trái cây lần đầu tiên có mặt trên thị trường Việt Nam, được sản xuất với công nghệ tiên tiến Nhật Bản Aseptic. Đặc trưng sản phẩm là nước tinh khiết hòa quyện với nước ép trái cây được đông kết ở nhiệt độ -18°C , giúp sản phẩm giữ được độ thơm ngon tinh khiết như trái cây vừa hái, vừa đảm bảo độ an toàn thực phẩm tuyệt đối do không sử dụng bất kỳ chất bảo quản, hay tạo màu tạo mùi nhân tạo nào.



KIRIN LATTE



Với Bí Quyết Tạo Vị Ngon Từ Nhật Bản, Latte là thức uống được chiết xuất từ các thành phần thiên nhiên tốt nhất pha thêm sữa. Vị ngon thanh khiết cùng dư vị nhẹ nhàng của Latte không chỉ giúp bạn thỏa cơn khát mà còn mang đến những phút thư giãn nhẹ nhàng nhất.

KIRIN TEA BREAK



Gogo no Kocho - Sản phẩm trà bán chạy số 1 Nhật Bản nay đã đến Việt Nam với tên gọi mới: **Tea Break**. Đây là sản phẩm chiết xuất từ lá trà Anh Quốc đích thực với phong cách cổ điển pha lẫn với hiện đại. Sản phẩm với vị chất nhẹ của trà, vị ngọt thanh và hương đậm đà sẽ làm cho ngày mới của bạn thêm hứng khởi.

KIRIN TRÀ XANH NHẬT: sử dụng 100% lá trà xanh Nhật Bản, được ủ và chiết xuất nước trà tinh túy nhất nhẹ nhàng xoa dịu tâm trí, thư giãn tinh thần.

Những lá trà tươi ngon từ tỉnh Shizuoka Nhật Bản được thu hoạch, xử lý và nhập khẩu về Việt Nam.

- Sản phẩm sử dụng nước tinh khiết.
- Được chiết xuất ở nhiệt độ chính xác đòi hỏi kỹ thuật chuyên nghiệp.
- Chỉ chiết nước trà đầu tiên.
- Chai PET, ít đường hoặc không đường.



ICE+ SƠ RI BEAUTI:

- Ice+ Sơ Ri Beauti với Glutathione từ Nhật Bản giúp sáng da tự nhiên.
- Hương vị sơ ri tự nhiên thơm ngon.
- Mỗi ngày 1 chai để giúp da tươi tắn hơn.

Glutathione còn đóng vai trò là chất chống oxy hóa, chống lão hóa làn da; hỗ trợ giải độc cơ thể; tăng cường hệ thống miễn dịch; cải thiện làn da (giúp sáng da)

Sử dụng 250mg Glutathione mỗi ngày trong 12 tuần giúp sáng da tự nhiên - theo nghiên cứu từ công ty hóa sinh Kyowa Hakko Bio.



KIRIN LATTE CÀ PHÊ & SỮA:

Latte cà phê sữa là sự kết hợp độc đáo giữa cà phê nguyên chất với nguồn sữa nhập khẩu từ New Zealand, được sản xuất bằng công nghệ Nhật Bản hiện đại. Mang đến sản phẩm chất lượng và tiện lợi với giá rẻ cho mọi người.

- Chai PET tiện lợi mọi lúc mọi nơi.
- 100% cà phê nguyên chất.
- Giá rẻ cho mọi người.



KIRIN LATTE CÀ PHÊ & CARAMEL:

Latte Cà Phê & Caramel - một thức uống mới độc đáo với sự kết hợp tuyệt vời giữa hương cà phê nồng nàn cùng vị caramel ngọt ngào dành cho giới trẻ.

- Trải nghiệm ngọt ngào với cà phê caramel
- Thưởng thức cà phê hàng ngày
- Bao bì sang trọng, tiện lợi



KIRIN LATTE CÀ PHÊ & VANILLA:

Latte Cà phê & Vanilla – một sự hòa quyện tuyệt vời giữa hương vanilla ngọt ngào và vị cà phê truyền thống nồng nàn, sẽ mang lại cho bạn một khoảnh khắc hài hòa. Phù hợp sử dụng mọi lúc, mọi nơi, thậm chí ở nơi làm việc bận rộn hoặc thời gian thư giãn với bạn bè và gia đình.

- Hòa quyện tinh tế trong từng giọt cà phê
- Thức uống cà phê hàng ngày
- Bao bì dễ dàng sử dụng với chai PET 345 ml



KIRIN IMUSE:

Chúng ta sẽ bị viêm họng hoặc cảm cúm nếu hệ miễn dịch bị suy yếu.

Tình trạng cơ thể không tốt sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày cũng như bạn bè và gia đình chúng ta.

‘L. Lactis Plasma là một chủng Lactococcus Lactis đặc biệt (biến dạng khác với Lactobacillus) đã được tìm thấy bởi Kirin, một công ty Nhật Bản với lịch sử hơn 100 năm, rất độc đáo trên thế giới vì nó có thể giúp kích hoạt hệ thống miễn dịch toàn diện trong cơ thể của bạn. Có rất nhiều nghiên cứu y khoa chứng minh L. Lactis Plasma có tác dụng chống lại virus cảm cúm hoặc các virus khác, kể cả sốt xuất huyết.

Bạn có thể cung cấp ‘L. Lactis Plasma’ cho cơ thể bằng nước giải khát với vị chanh yogurt.



Đây là cách thức mới, dễ dàng và cực chất cho sức khỏe và cơ thể bạn.

Khỏe từ bên trong - Một thói quen mới dành cho những ai yêu thích cuộc sống tươi vui, khỏe khoắn, lành mạnh.

- Tăng cường hệ miễn dịch
- Đánh thức tiềm năng bản thân
- Nước uống bổ sung sức khỏe mỗi ngày

KIRIN ICE+ DETOX NAM VIỆT QUẤT:

Sản phẩm Kirin Ice+ Detox Nam Việt Quất với thành phần tự nhiên từ quả Nam Việt Quất nhập khẩu với nhiều công dụng tốt cho sức khỏe, được bổ sung thêm Vitamin C và chiết xuất quả lựu giàu chất chống oxy hóa hỗ trợ thanh lọc cơ thể, giúp cải thiện sức khỏe tốt hơn.

- Thanh lọc cơ thể, cải thiện sức khỏe tốt hơn với Ice+ detox Nam Việt Quất.
- Nước uống tốt sức khỏe mỗi ngày.
- Chai PET 345 ml tiện lợi và sang trọng.



KIRIN VẢI MUỐI:

Kirin Vải Muối – sự kết hợp tinh tế giữa nước ép vải ngọt ngào và một chút muối, mang đến cho bạn một thức uống mới lạ độc đáo, duy nhất trên thị trường Việt Nam.

Một chút muối truyền thống sẽ làm tăng thêm hương vị dịu nhẹ, thanh mát của Vải.

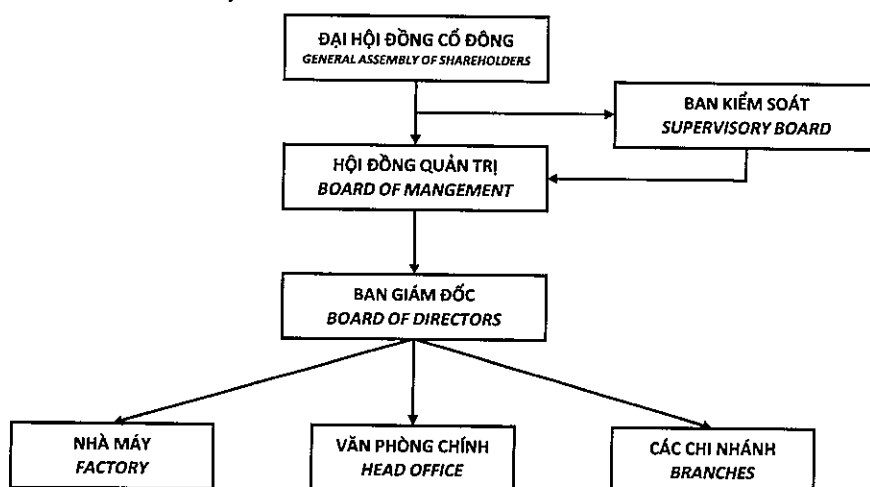
Thức uống cung cấp khoáng hỗ trợ quá trình hydrat hóa cực kỳ ngon. Là một thức uống giải khát và chống say nắng hiệu quả trong những ngày nắng nóng.

- Duy nhất trên thị trường
- Chai PET tiện lợi
- Giá đáng đồng tiền



4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

❖ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



❖ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Stt	Họ tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị (HĐQT)		
1	Ông Yutaka Ogami	Chủ tịch kiêm Thành viên (đến ngày 10/04/2020) Thành viên (từ ngày 11/04/2020)
2	Ông Takeshi Fukushima	Thành viên (đến ngày 10/04/2020) Chủ tịch kiêm Thành viên ((từ ngày 11/04/2020)
3	Ông Koichi Ogawa	Thành viên (từ ngày 10/04/2020)
4	Ông Toru Yoshimura	Thành viên (từ ngày 10/04/2020)
5	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên (từ ngày 10/04/2020)
Ban Kiểm soát (BKS)		
1	Ông Nguyễn Thanh Bách	Trưởng ban (từ ngày 10/04/2020)
2	Ông Yoshitaka Hitomi	Thành viên (từ ngày 10/04/2020)
3	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên (từ ngày 10/04/2020)
Ban Giám đốc (BGĐ)		
1	Ông Yutaka Ogami	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên BGĐ/ Giám Đốc Hành chính
2	Ông Ryuta Onda	Thành viên BGĐ/ Giám Đốc Nhà máy
3	Ông Tomohide Ito	Thành viên BGĐ/ Giám Đốc Kế Hoạch
4	Ông Takeshi Fukushima	Thành viên BGĐ/ Giám đốc Tiếp thị kiêm Giám đốc Bán hàng
5	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên BGĐ/ Giám Đốc Kiểm soát Nội bộ

❖ CHI NHÁNH, NHÀ MÁY

Chi nhánh, nhà máy	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Tầng 11, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 4A, Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Nhà máy Long Thành	Lô 13, KCN Tam Phước, Phường Tam phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

❖ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM AVA



Địa chỉ: Lô 13, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất món ăn, thực phẩm chế biến gồm bánh, mứt, kẹo, thức ăn nhẹ các loại, các loại sản phẩm chế biến từ gia cầm.

Sản xuất thực phẩm chế biến gồm các loại chế biến từ rau quả.

Sản xuất các loại bánh.

Sản xuất thực phẩm chế biến gồm chế biến nước trái cây, nước giải khát, nước uống tinh khiết.

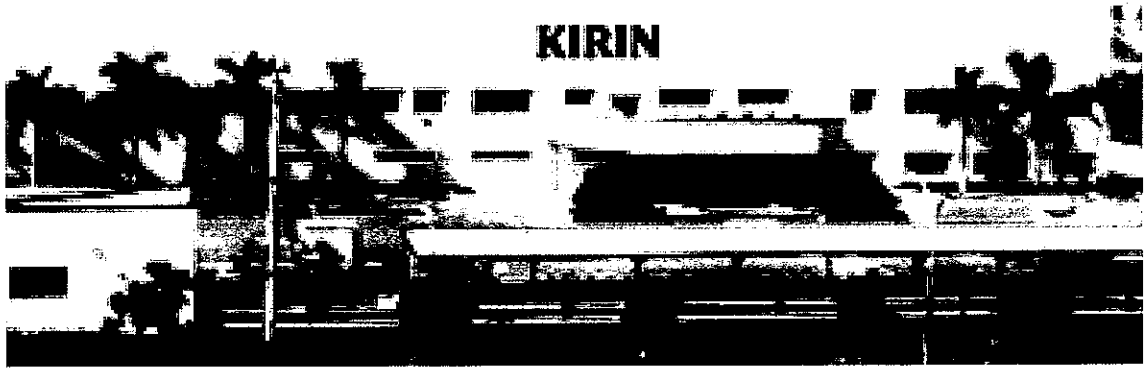
Cho thuê nhà xưởng, nhà văn phòng dôi dư.

Vốn điều lệ thực góp: 81.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 90,4% (7.322.400 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần)

Ngày 07 tháng 4 năm 2020, IFS đã mua cổ phần của toàn bộ các cổ đông khác của AVA và IFS trở thành Công Ty sở hữu 100% vốn góp của AVA.

Ngày 30 tháng 06 năm 2020, **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM AVA** đã sáp nhập vào **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ**. Theo đó, IFS sẽ kế thừa toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của AVA theo quy định của pháp luật Việt Nam, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của AVA.



Địa chỉ:	Lô D-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất và gia công sản xuất đồ uống không cồn, sản xuất sữa và các đồ uống giải khát từ sữa, sản xuất thực phẩm chức năng và bổ sung vi chất dinh dưỡng dạng lỏng.
Vốn điều lệ thực góp:	795.800.000.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu của Công ty:	Không

1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

SỨ MỆNH

Công ty vì sức khỏe và hạnh phúc của người Việt

GIÁ TRỊ

Chính trực; Lành Mạnh;
Có đam mê; cùng nhau hoàn thành mục tiêu

TÂM NHÌN
TRUNG HẠN
(2021)

[KIRIN] được khách hàng Việt nhận biết với thương hiệu cung cấp thức uống chất lượng cao và tốt cho sức khỏe qua việc kinh doanh thức uống mang đến sự an toàn - an tâm.

TÂM NHÌN
TRUNG HẠN
(2024)

[KIRIN] được nhận biết là thức uống tốt cho sức khỏe với chất lượng cao mang đến sự an toàn - an tâm, và ngày càng có nhiều khách hàng sẵn sàng chọn sản phẩm KIRIN.

TÂM NHÌN
DÀI HẠN
(2027)

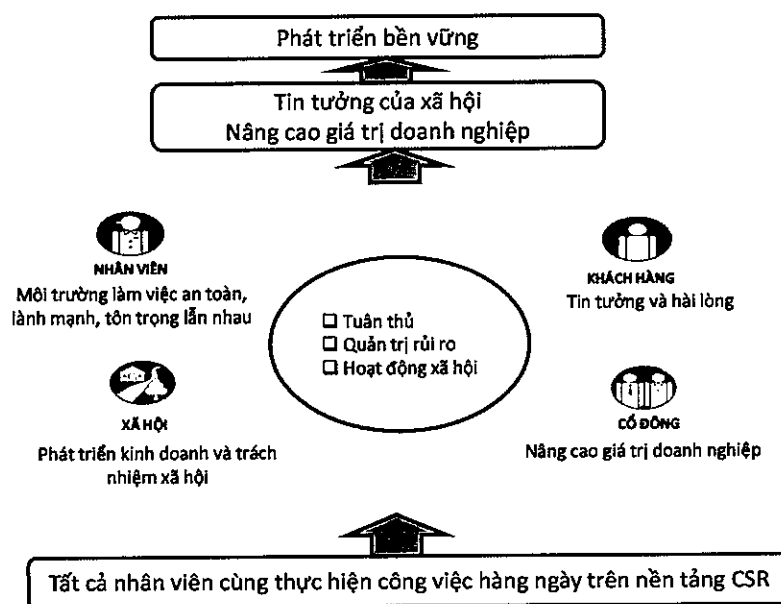
[KIRIN] = danh xưng đại diện ngành hàng thức uống tốt cho sức khỏe, thức uống chức năng; có được sự gắn kết và trung thành cao từ khách hàng, được tin tưởng là “Công ty cung cấp thương hiệu với chất lượng cao nhất” thông qua việc kinh doanh thức uống mang đến sự an toàn - an tâm.

❖ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tuân thủ pháp luật và quy tắc đạo đức trong kinh doanh là nền tảng cho sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Việc xây dựng và duy trì văn hóa tuân thủ là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong việc tạo dựng uy tín và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Công ty luôn nỗ lực phổ biến và nâng cao ý thức Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp (“CSR”) và Tuân Thủ cho nhân viên nhằm đảm bảo phương châm quản lý dựa trên CSR, CSV (Tạo Giá Trị Chung) được thực hiện và giám sát trên toàn bộ Công ty.

- CSR: Công ty cam kết thông qua hoạt động kinh doanh của mình góp phần cho sự phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- CSV: Công ty xây dựng Mục đích CSV như một phương châm để tạo ra giá trị chung với xã hội và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.
- Compliance (Tuân thủ): tuân thủ các quy định của pháp luật, các chuẩn mực xã hội, nguyên tắc ứng xử của Công ty cũng như ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng.
- Quản trị rủi ro: hệ thống được thiết lập nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu tổn thất do những sự kiện không lường trước bằng cách nhận diện và quản lý những rủi ro trọng yếu có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



6. QUẢN TRỊ RỦI RO

Công ty xây dựng hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) như là một phần của hệ thống quản lý hoạt động kinh doanh và phối hợp với công ty mẹ để triển khai thực hiện QLRR.

Công ty thực hiện triệt để tuân thủ và QLRR nhằm ngăn ngừa những nguy cơ tiềm ẩn, qua đó có thể nhận được sự tín nhiệm lâu dài của khách hàng và xã hội.

Ủy ban QLRR được thành lập để giám sát hoạt động QLRR. Ủy ban QLRR chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc và bao gồm các thành viên là các trưởng phòng ban. Ủy ban QLRR họp định kỳ mỗi năm hai lần và khi xét thấy cần thiết để xem xét và giám sát việc thực hiện QLRR và kế hoạch đối ứng rủi ro của toàn Công ty.

❖ THỰC HIỆN QLRR TRONG NĂM 2020

- Xây dựng hệ thống QLRR và chính sách QLRR theo chương trình QLRR của Tập đoàn Kirin.
- Xây dựng kế hoạch QLRR và Hướng dẫn ứng phó khủng hoảng và thực hiện chương trình đào tạo về QLRR cho nhân viên.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để theo dõi quy trình và giám sát việc thực hiện kế hoạch QLRR.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

❖ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Kết quả trong năm 2020, tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 155 tỷ đồng, chỉ đạt 71% so với kế hoạch đề ra. Kết quả này chủ yếu đi từ các nguyên nhân sau đây:

- a) Về doanh thu bán hàng, đại dịch Covid 19 bùng phát từ khoảng đầu năm 2020 đã tác động tiêu cực và lâu dài đến toàn bộ nền kinh tế, làm đứt gãy các chuỗi cung ứng và làm nhu cầu tiêu dùng sụt giảm. Tuy nhiên trong bối cảnh cực kỳ khó khăn đó, bằng cố gắng nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên, Công ty vẫn tiếp tục duy trì được công tác bán hàng cơ bản, bám sát mục tiêu doanh số, kết quả tổng doanh thu bán hàng đạt 79% so với kế hoạch và doanh thu thuần đạt 80% so với kế hoạch đề ra.
- b) Về giá vốn hàng bán, chi phí giá vốn hàng bán năm 2020 duy trì sát mức kế hoạch chiếm tỷ trọng 59% doanh thu thuần so với 60% số kế hoạch. Nguyên nhân do Công ty vẫn duy trì ổn định giá mua nguyên vật liệu mua vào, giảm chi phí gia công và sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn chi phí sản xuất chung...theo tiêu chí giảm giá thành sản xuất trên đơn vị sản phẩm. Kết quả mặc dù tổng sản lượng sản xuất giảm do tác động tiêu cực của đại dịch nhưng Công ty vẫn duy trì được mức chi phí giá vốn- giá thành sản xuất hợp lý, đúng theo kế hoạch đề ra.
- c) Về chi phí tài chính, trong năm 2020 ghi nhận một khoản chi phí tài chính 77 tỷ VND liên quan đến việc sáp nhập Avafood vào Công ty. Khoản chi phí này thể hiện phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả do nhận sáp nhập.
- d) Về chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, năm 2020 trong điều kiện doanh số giảm sút do tác động tiêu cực của dịch bệnh, Công ty tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ bán hàng như chương trình chiết khấu, các chương trình khuyến mãi, hỗ trợ đặc biệt cho nhà phân phối đội ngũ bán hàng trong thời điểm khó khăn và duy trì chương trình hỗ trợ điểm bán trung thành, tiếp tục duy trì các hoạt động quảng cáo trên các kênh mạng xã hội với chi phí thấp ... với mục đích duy trì doanh số theo sát kế hoạch. Chi phí bán hàng được quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả thể hiện qua kết quả tổng chi phí bán hàng chỉ ở mức 19% trên doanh thu thuần, giảm 4% so với 23% số kế hoạch. Chi phí quản lý doanh nghiệp được quản lý sử dụng sát mức với kế hoạch, chiếm tỷ trọng khoảng 3% doanh thu thuần.
- e) Chi phí khác trong năm 2020 chủ yếu liên quan đến chi phí khấu hao của một số tài sản không sử dụng trong kỳ và khoản lỗ do thanh lý tài sản cố định.

❖ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020		Thực hiện 2020		TH so với KH (%)
	USD	VND '000	USD	VND '000	
Tổng doanh thu	83,889,326	1,948,749,046	66,307,231	1,539,322,364	79%
Các khoản giảm trừ	7,825,290	181,781,491	5,605,983	130,142,893	72%
Doanh thu thuần	76,064,036	1,766,967,555	60,701,248	1,409,179,471	80%
Giá vốn hàng bán	45,315,036	1,052,668,275	36,068,272	837,324,927	80%
Lợi nhuận gộp	30,749,000	714,299,280	24,632,976	571,854,544	80%
Doanh thu tài chính	37,898	880,374	177,681	4,124,856	469%
Chi phí tài chính	31,079	721,971	3,286,454	76,295,040	10568%
Chi phí bán hàng	17,249,110	400,696,836	11,518,326	267,397,928	67%
Chi phí QLDN	1,686,937	39,187,549	1,539,413	35,737,479	91%
Lãi / (lỗ) từ HĐKD	11,819,772	274,573,298	8,466,464	196,548,953	72%
Thu nhập khác	99,371	2,308,378	51,623	1,198,427	52%
Chi phí khác	200,344	4,653,981	142,848	3,316,221	71%
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(100,973)	(2,345,603)	(91,225)	(2,117,794)	90%
Lãi / (Lỗ) trước thuế	11,718,799	272,227,695	8,375,238	194,431,159	71%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,104,729	48,892,865	1,611,787	37,417,627	77%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	279,099	6,483,470	85,279	1,979,762	31%
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	9,334,970	216,851,360	6,678,172	155,033,770	71%
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số	(2,741)	(63,677)	-	-	0%
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	9,337,711	216,915,037	6,678,172	155,033,770	71%

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

❖ DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND (Hộ chiếu)	Chỗ ở hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Hội đồng quản trị							
1	Ông Takeshi Fukushima	Chủ tịch	1973	Nhật Bản	TZ1237963	HCM, VN	0%
2	Ông Yutaka Ogami	Thành viên	1973	Nhật Bản	TZ1228097	HCM, VN	0%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	1967	Việt Nam	271255441	Đồng Nai, VN	0,014% (12.000)
4	Ông Koichi Ogawa	Thành viên	1980	Nhật Bản	TZ1187625	Nhật Bản	0%
5	Ông Takashi Suda	Thành viên	1973	Nhật Bản	TR4832481	Nhật Bản	0%
6	Ông Toru Yoshimura	Thành viên	1964	Nhật Bản	TR9775451	Nhật Bản	0%
Ban Giám đốc (BGĐ)							
1	Ông Yutaka Ogami	Tổng GD kiêm GD Hành chính	1973	Nhật Bản	TZ1228097	HCM, VN	0%
2	Ông Ryuta Onda	GD Nhà máy	1969	Nhật Bản	TH9650358	HCM, VN	0%
3	Ông Tomohide Ito	GD Kế hoạch	1977	Nhật Bản	TR6937460	HCM, VN	0%
4	Ông Takeshi Fukushima	GD Tiếp thị kiêm GD Kinh doanh	1973	Nhật Bản	TZ1237963	HCM, VN	0%
5	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	GD Kiểm soát Nội bộ	1967	Việt Nam	271255441	Đồng Nai, VN	0,014% (12.000)
Kế toán trưởng							
1	Ông Nguyễn Hồng Phong	Kế toán trưởng	1977	Việt Nam	272856660	Đồng Nai, VN	0%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ tên	Chức vụ		Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND (Hộ chiếu)	Chỗ ở hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
		Trước khi thay đổi	Sau khi thay đổi					
Hội đồng quản trị								
1	Ông Yutaka Ogami	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên	Thành viên (Từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, có hiệu lực từ ngày 10/4/2020)	1973	Nhật Bản	TZ1228097	HCM, VN	0%
2	Ông Takeshi Fukushima	Thành viên	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên (Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch, có hiệu lực từ ngày 10/4/2020)	1973	Nhật Bản	TZ1237963	HCM, VN	0%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	Thành viên	1967	Việt Nam	271255441	Đồng Nai, VN	0,014% (12.000)
4	Ông Koichi Ogawa		Thành viên (bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 10/4/2020)	1980	Nhật Bản	TZ1187625	Nhật Bản	0%
5	Ông Takashi Suda	Thành viên	Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 10/04/2020	1973	Nhật Bản	TR4832481	Nhật Bản	0%
6	Ông Toru Yoshimura	Thành viên	Thành viên	1964	Nhật Bản	TR9775451	Nhật Bản	0%
Ban Giám đốc (BGĐ)								
1	Ông Yutaka Ogami	Tổng GD kiêm GD Hành chính	Tổng GD kiêm GD Hành chính	1973	Nhật Bản	TZ1228097	HCM, VN	0%
2	Ông Ryuta Onda	GD Nhà máy	GD Nhà máy	1969	Nhật Bản	TH9650358	HCM, VN	0%
3	Ông Tomohide Ito	GD Kế hoạch	GD Kế hoạch	1977	Nhật Bản	TR6937460	HCM, VN	0%
4	Ông Takeshi Fukushima	GD Tiếp thị kiêm GD Kinh doanh	GD Tiếp thị kiêm GD Kinh doanh	1973	Nhật Bản	TZ1237963	HCM, VN	0%
5	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	GD Kiểm soát nội bộ	GD Kiểm soát nội bộ	1967	Việt Nam	271255441	Đồng Nai, VN	0,014% (12.000)
Ban Kiểm soát								
1	Ông Nguyễn Thanh Bách	Trưởng ban	Trưởng ban	1987	Việt Nam	024182650	HCM, VN	0%
2	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên	Thành viên	1966	Việt Nam	021680536	HCM, VN	0%
3	Ông Yoshitaka Hitomi	Thành viên	Thành viên	1972	Nhật Bản	MU9032912	Nhật Bản	0%

❖ TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 584 (tại thời điểm 31/12/2020).
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
 - Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ cấu tổ chức và cải thiện hệ thống thông tin quản lý.
 - Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty và nhân viên thông qua việc thực hiện chế độ kiểm tra giám sát, cải thiện chính sách dựa trên kết quả khảo sát nhận thức của nhân viên (EAS), nâng cao độ chính xác của dữ liệu quản lý, thực hiện quản trị dựa trên tuân thủ (compliance)
 - Phát triển và thực hiện chương trình đào tạo thiết kế riêng cho nhân viên theo từng cấp độ, từng phòng ban.
 - Thực hiện luân chuyển nhân viên theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty cũng như theo nguyện vọng phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2020, Công ty triển khai dự án sáp nhập AVA vào IFS.

Được sự chấp thuận của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, Công ty đã tiến hành mua lại toàn bộ cổ phiếu của các cổ đông khác tại AVA và sáp nhập AVA vào Công ty. Ngày 30 tháng 06 năm 2020, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai chấp thuận và ban hành Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp về việc sáp nhập **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM AVA**, công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600563391 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1052118511 vào Công ty. Theo đó, Công ty sẽ kế thừa toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của AVA theo quy định của pháp luật Việt Nam, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của AVA.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

❖ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Thực tế 2019 (Hợp nhất) VND	Thực tế 2020 (Công ty Mẹ) VND	Tăng giảm (%)
Tổng doanh thu	1,796,760,938,000	1,539,322,364,000	-14%
Các khoản giảm trừ	162,022,816,000	130,142,893,000	-20%
Doanh thu thuần	1,634,738,122,000	1,409,179,471,000	-14%
Giá vốn hàng bán	951,411,846,000	837,324,927,000	-12%
Lợi nhuận gộp	683,326,276,000	571,854,544,000	-16%
Doanh thu hoạt động tài chính	3,085,328,000	4,124,856,000	34%
Chi phí hoạt động tài chính	2,587,844,000	76,295,040,000	2848%
Chi phí bán hàng	343,704,731,000	267,397,928,000	-22%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35,997,159,000	35,737,479,000	-1%
Lãi /(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	304,121,870,000	196,548,953,000	-35%
Thu nhập khác	1,788,204,000	1,198,427,000	-33%
Chi phí khác	15,738,116,000	3,316,221,000	-79%
Lợi nhuận khác	(13,949,912,000)	(2,117,794,000)	-85%
Lãi / (Lỗ) trước thuế	290,171,958,000	194,431,159,000	-33%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	65,214,044,000	37,417,627,000	-43%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1,282,616,000	1,979,762,000	54%
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	223,675,298,000	155,033,770,000	-31%

❖ **CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU**

Chỉ tiêu	Năm 2019 (Hợp nhất)	Năm 2020 (Công ty mẹ)	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán hiện thời	3.72	5.65	
+ Hệ số thanh toán nhanh	2.72	4.45	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0.23	0.16	
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	0.29	0.19	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4.41	4.05	
+ Hệ số Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1.97	1.34	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0.14	0.11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0.31	0.17	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0.24	0.14	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0.19	0.14	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

❖ **CỔ PHẦN**

Stt	Nội dung	Số lượng
1	Tổng số cổ phiếu	87.140.992
2	Số lượng cổ phiếu quỹ	8
3	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	87.140.984
4	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	87.140.984
5	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	0

❖ **CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tại ngày 11/3/2021)**

Stt	Cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	-	0.00%	83,360,282	95.66%	83,360,282	95.66%
	Cá nhân	-	0.00%	-	0.00%	-	0.00%
	Tổ chức	-	0.00%	83,360,282	95.66%	83,360,282	95.66%
2	Cổ đông khác (sở hữu dưới 5% vốn CP)	749,126	0.86%	3,031,576	3.48%	3,780,702	4.34%
	Cá nhân	744,588	0.85%	141,489	0.16%	886,077	1.02%
	Tổ chức	4,538	0.01%	2,890,087	3.32%	2,894,625	3.32%
3	Cổ phiếu quỹ		0.00%	8	0.00%	8	0.00%
4	Tổng cộng	749,126	0.86%	86,391,866	99.14%	87,140,992	100.00%

❖ **TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Trong năm 2020, Công ty không thực hiện tăng/ giảm vốn điều lệ.

❖ **CỔ PHIẾU QUỸ**

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 08 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm 2020: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2020, Công ty đã nỗ lực thực hiện các mục tiêu kinh doanh đề ra bằng việc tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty đã đạt mức 79% tổng doanh thu so với kế hoạch.

Công ty tập trung phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Dao WONDERFARM cũng như mở rộng thị trường cho nhãn hàng KIRIN. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng như cầu của người tiêu dùng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đã tung ra một số sản phẩm mới như Kirin Ice+ Detox Nam Việt Quất và Kirin Vải Muối.

Công ty đã triệt để thực hiện chính sách tiết giảm chi phí tại nhà máy cũng như sử dụng hợp lý chi phí kinh doanh và tiếp thị nhằm nâng cao hiệu quả công việc và năng lực cạnh tranh. Các chương trình cắt giảm chi phí tại nhà máy đã được thực hiện triệt để nhằm đạt chỉ tiêu chi phí sản xuất mà Công ty đã đề ra. Kết quả đạt được, Công ty đã có lãi sau thuế là 155 tỷ đồng.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2019 (Hợp nhất) VND'000	Năm 2020 (Sau khi sáp nhập) VND'000	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	939,973,578	1,112,636,213	18%
Doanh thu thuần	1,634,738,122	1,409,179,471	-14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	304,121,870	196,548,953	-35%
Lợi nhuận khác	(13,949,912)	(2,117,794)	-85%
Lợi nhuận trước thuế	290,171,958	194,431,159	-33%
Lợi nhuận sau thuế	223,675,298	155,033,770	-31%

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

❖ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

Hoạt động kinh doanh gắn liền với Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility – CSR) là những cam kết doanh nghiệp góp phần cho sự phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống. Công ty luôn nỗ lực thực hiện chính sách CSR, CSV trong hoạt động kinh doanh:

- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro nhằm đạt sự quản lý minh bạch để nhận được sự tin tưởng của xã hội.
- Cải tiến nghiệp vụ trong phòng ban hoặc toàn công ty để các dự án cải tiến tạo thêm giá trị cho Công ty.

- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tích cực tham gia hoạt động cộng đồng để góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội với tư cách là một công dân doanh nghiệp có trách nhiệm.

Công ty đã thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ với sự hỗ trợ về nhân sự từ Tập đoàn Kirin nhằm góp phần làm giảm rủi ro trong quản lý hoạt động kinh doanh ở Việt Nam thông qua hoạt động tư vấn, đánh giá độc lập và đảm bảo khách quan.

❖ KHÓI KINH DOANH

- Tăng trưởng lợi nhuận dựa vào mở rộng bán hàng
- Tăng trưởng KIRIN tại thị trường Việt Nam
- Tăng trưởng tại các khu vực hiện hữu
~ *Nâng cao độ nhận biết 「KIRIN」* ~
- Thử thách với những lĩnh vực mới
~*Sức khỏe – Chức năng: gieo mầm tăng trưởng*~

❖ KHÓI SẢN XUẤT

- Tối đa hóa hiệu suất sản xuất của nhà máy
- Tiếp tục thực hiện tiết giảm chi phí.
- Nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm
- Cải tiến nghiệp vụ trong phòng ban hoặc toàn công ty
- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển những sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên và mang đến sức khỏe cả về thể chất và tinh thần cho người tiêu dùng.

❖ KHÓI VĂN PHÒNG

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ cấu tổ chức và cải thiện hệ thống thông tin quản lý.
- Cải tiến nghiệp vụ trong phòng ban hoặc toàn công ty để các dự án cải tiến tạo thêm giá trị cho Công ty.
- Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty và Nhân viên thông qua việc thực hiện chế độ kiểm tra giám sát, cải thiện chính sách dựa trên kết quả khảo sát nhận thức của nhân viên (EAS), nâng cao độ chính xác của dữ liệu quản lý, thực hiện quản trị dựa trên tuân thủ (compliance).
- Phát triển và thực hiện chương trình đào tạo thiết kế riêng cho nhân viên theo từng cấp độ, từng phòng ban.
- Thực hiện luân chuyển nhân viên theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty cũng như theo nguyện vọng phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2021, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu tăng doanh số bán hàng, chủ yếu tập trung vào các sản phẩm thương hiệu KIRIN là đồ uống dành cho người tiêu dùng quan tâm đến sức khỏe và thu thêm lợi nhuận hoạt động với các chiến lược sau:

Công ty phân tích dữ liệu và hoạt động bán hàng theo khu vực và SKUs qua việc sử dụng hệ thống DMS (Hệ thống quản lý nhà phân phối) và đưa ra các chức năng mới của DMS để công ty có thể phân tích các tuyến bán hàng và cải thiện chúng để nhân viên bán hàng có thể đến viếng thăm các cửa hàng hiệu quả hơn. Công ty tìm kiếm thêm các cách thức hiệu quả trong hoạt động bán hàng thông qua các phân tích này và sau đó dẫn đến tăng khối lượng bán hàng và lợi nhuận. Bên cạnh đó, Công ty tập trung đầu tư vào các hoạt động tiếp thị như là tiếp thị truyền thông với người tiêu dùng, nhằm nâng cao nhận thức về thương hiệu KIRIN.

Công ty bắt đầu phát triển các sản phẩm mới có ý thức về sức khỏe mang thương hiệu KIRIN và góp phần nâng cao sức khỏe cho người dân Việt Nam.

Công ty tiếp tục cắt giảm chi phí sản xuất và nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng với việc tăng khối lượng hàng bán, hợp tác với công ty sản xuất thuộc tập đoàn Kirin – Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam. Và tích cực theo đuổi hiệu quả công việc qua việc cải thiện quy trình hoạt động kinh doanh thông qua các giải pháp công nghệ thông tin.

Công ty dự kiến tổng doanh thu sẽ đạt khoảng 2.022 tỷ đồng (tăng khoảng 31% so với năm 2020) và lãi trước thuế trong năm 2021 khoảng 327 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021		Thực hiện 2020		%(+/-)
	USD	VND'000	USD	VND'000	
Tổng doanh thu	87,119,444	2,022,477,891	66,307,231	1,539,322,364	31%
Doanh thu thuần	79,179,236	1,838,145,966	60,701,248	1,409,179,471	30%
Lãi (Lỗ) gộp	31,877,655	740,039,755	24,632,976	571,854,544	29%
Lãi (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	14,086,042	327,007,465	8,466,464	196,548,953	66%
Lãi (Lỗ) trước thuế	14,122,878	327,862,612	8,375,238	194,431,159	69%
Lãi (Lỗ) sau thuế	11,317,491	262,735,553	6,678,172	155,033,770	69%

5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn về môi trường, không ngừng nỗ lực trong việc đầu tư thiết bị và nghiên cứu phát triển công nghệ nhằm mang đến những sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục nỗ lực nâng cao ý thức của nhân viên và các biện pháp đảm bảo an toàn bao gồm đào tạo an toàn trong các cuộc họp toàn công ty hàng tháng, xác nhận tình hình thực hiện các biện pháp an toàn nhằm ngăn ngừa tái phát, kiểm tra định kỳ các khu vực nhằm đảm bảo an toàn thực sự.
- Nâng cao chất lượng: thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng bao gồm kiểm tra định kỳ việc thực hiện kế hoạch ngăn ngừa tái diễn chú trọng đến các vấn đề ưu tiên, nâng cao độ hiểu biết và ISO và HACCP và nâng cao hiệu quả của các hệ thống.

6. TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

HỘI THI “HỌC SINH, SINH VIÊN THÀNH PHỐ VỚI PHÁP LUẬT”: ĐẠM HIỆN ĐẠI, CHUẨN SÁNG TẠO

Hội thi “Học sinh, sinh viên thành phố với pháp luật” năm 2020 – 2021 với sự đồng hành của Tập đoàn KIRIN, hội thi đã đem đến một sân chơi bổ ích, giúp pháp luật – một vấn đề tưởng như rất khô khan trở nên sinh động và gần gũi hơn với các em học sinh. Đến mùa giải thứ 4, chủ đề “Tiếng nói tuổi trẻ” vẫn được Ban Tổ chức nhấn mạnh, nhằm khẳng định một cách thức tiếp cận pháp luật toàn diện: không chỉ dừng lại ở việc biết và tuân thủ, mọi người cần phải nhận thức rõ vai trò của các điều luật và lan tỏa những giá trị này đến cộng đồng xung quanh.

Thông qua Hội thi “Học sinh, sinh viên thành phố với pháp luật”, Tập đoàn KIRIN không chỉ mong muốn phổ cập những kiến thức về pháp luật, mà còn định hướng các bạn học sinh, sinh viên áp dụng các hiểu biết này vào thực tiễn đời sống,

để hình thành lối sống khỏe mạnh, văn minh cùng tận hưởng một cuộc sống hạnh phúc.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2020, Công ty đã nỗ lực thực hiện các mục tiêu kinh doanh đề ra bằng việc tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty đã đạt mức 79% tổng doanh thu so với kế hoạch.

Công ty tập trung phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Dao WONDERFARM cũng như mở rộng thị trường cho nhãn hàng KIRIN. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đã tung ra một số sản phẩm mới như Kirin Ice+ Detox Nam Việt Quất và Kirin Vải Muối.

Công ty đã triệt để thực hiện chính sách tiết giảm chi phí tại nhà máy cũng như sử dụng hợp lý chi phí kinh doanh và tiếp thị nhằm nâng cao hiệu quả công việc và năng lực cạnh tranh. Các chương trình cắt giảm chi phí tại nhà máy đã được thực hiện triệt để nhằm đạt chỉ tiêu chi phí sản xuất mà Công ty đã đề ra. Kết quả đạt được, Công ty đã có lãi sau thuế là 155 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2019 (Hợp nhất) VND'000	Năm 2020 (Công ty mẹ) VND'000	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	939,973,578	1,112,636,213	18%
Doanh thu thuần	1,634,738,122	1,409,179,471	-14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	304,121,870	196,548,953	-35%
Lợi nhuận khác	(13,949,912)	(2,117,794)	-85%
Lợi nhuận trước thuế	290,171,958	194,431,159	-33%
Lợi nhuận sau thuế	223,675,298	155,033,770	-31%

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- HĐQT đã ban hành Nghị quyết HĐQT số.RBM200410 ngày 10 tháng 04 năm 2020 về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Công ty như sau:
Chấp thuận thông qua việc tái bổ nhiệm ông Yutaka Ogami, hộ chiếu số TZ1228097 cấp ngày 19/7/2017 bởi Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại Tp. HCM, là Tổng Giám đốc kiêm Người Đại diện Pháp luật Công ty tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.
- TGD và Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.
- Dưới sự chỉ đạo của TGD và Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mục tiêu đề ra, tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, HĐQT tiếp tục thực hiện các chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHQĐ trong năm 2021.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo kế hoạch phát triển trung hạn năm 2019-2021 của Công ty.
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- HĐQT sẽ giám sát và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành Công ty để có định hướng phát triển phù hợp, hỗ trợ kịp thời trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Interfood.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban điều hành.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HDQT)

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ	Bổ nhiệm	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Takeshi Fukushima	Chủ tịch	10/4/2020	7/7	100%	
2	Ông Yutaka Ogami	Thành viên	12/4/2018	7/7	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	15/08/2006	7/7	100%	
4	Ông Koichi Ogawa	Thành viên	10/04/2020	4/7	57%	Bổ nhiệm có hiệu lực từ 10/04/2020
5	Ông Takashi Suda	Thành viên	12/4/2019	3/7	43%	Từ nhiệm có hiệu lực từ 10/04/2020
6	Ông Toru Yoshimura	Thành viên	17/12/2019	7/7	100%	

❖ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HDQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, HDQT đã thực hiện giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc của Công ty trong năm 2020 như sau:

• Phương thức giám sát:

- Thông qua các cuộc họp HDQT định kỳ hoặc khi cần thiết, trao đổi và thảo luận trực tiếp hoặc bằng các phương tiện thông tin liên lạc như điện thoại và thư điện tử.
- Thông qua các báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD và Ban Giám đốc về tiến độ thực hiện, cũng như những khó khăn, vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban điều hành.

• Nội dung giám sát:

Giám sát và đánh giá mức độ hiệu quả của TGD và Ban Giám đốc trong hoạt động điều hành, tổ chức thực hiện các quyết định của HDQT, các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được phê duyệt.

• Kết quả giám sát:

- TGD và BGD đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo các hoạt động kinh doanh tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.
- Dưới sự quản lý và chỉ đạo của TGD và BGD, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh bán sát các mục tiêu đề ra, tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.
- Mặc dù sản xuất kinh doanh của công ty chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, nhưng dưới sự điều hành và chỉ đạo đúng hướng của TGD và BGD, kết quả kinh doanh trong

năm 2020 của công ty vẫn không suy giảm nhiều so với nhiều doanh nghiệp khác, kết quả tổng doanh thu bán hàng đạt 79% so với kế hoạch và doanh thu thuần đạt 80% so với kế hoạch đề ra.

- Bên cạnh đó, việc kiểm soát chi phí giá vốn hàng bán của nhà máy Long Thành của TGD và BGD khá tốt. Nhà máy đã duy trì được mức chi phí giá vốn - giá thành sản xuất hợp lý, đúng theo kế hoạch đề ra thông qua việc công ty vẫn duy trì ổn định giá mua nguyên vật liệu mua vào, giảm chi phí gia công và sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn chi phí sản xuất chung... theo tiêu chí giảm giá thành sản xuất trên đơn vị sản phẩm.
- Giám sát việc sáp nhập **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM AVA** vào công ty. Việc sáp nhập đã tuân thủ pháp luật, điều lệ và quy định hiện hành.

❖ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

HĐQT đã tổ chức các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty; đảm bảo về số cuộc họp, các thành viên tham dự, trình tự thủ tục thông qua các quyết định theo đúng quy định.

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, Công ty đã có sự phân công công việc giữa các thành viên HĐQT và bổ nhiệm Ban giám đốc với các thành viên chuyên trách về Kinh doanh, Tiếp thị, Tài chính, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ để hỗ trợ HĐQT trong việc quản lý và điều hành Công ty.

❖ CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	RBM200217	17/02/2020	Lịch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2020 của Công ty.
2	RBM200326	26/03/2020	Các nội dung đề xuất thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
3	RBM200327	27/03/2020	Việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava (“AVA”) do cổ đông là Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt Nam và bà Nguyễn Thị Kim Liên nắm giữ; Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của AVA; Dự thảo điều lệ mới của AVA sau khi Chuyển Đổi; Bổ nhiệm nhân sự chủ chốt của AVA sau khi Chuyển Đổi.
4	RBM200410	10/04/2020	Việc bổ nhiệm của Chủ tịch HĐQT; Việc tái bổ nhiệm của Tổng Giám đốc kiêm Người Đại diện Pháp luật;
5	RBM200525	25/05/2020	Tiến hành việc sáp nhập Công ty TNHH Thực phẩm Ava vào Công ty cổ phần Thực phẩm Quốc tế; Thực hiện việc ký kết Hợp đồng sáp nhập chính thức giữa Công ty và AVA;
6	RBM200813	13/08/2020	Chấp thuận chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Công ty TNHH Thực phẩm Ava; Chấp thuận sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6525867086 của Công ty.
7	RBM201217	17/12/2020	Thành phần Ban Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2023;

2. BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Stt	Họ tên	Chức vụ	Ngày trở thành thành viên BKS	Số lần tham dự cuộc họp BKS	%	Lý do vắng mặt
1	Ông Nguyễn Thanh Bách	Trưởng BKS	12/04/2019	2/2	100%	
2	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên	12/04/2012	2/2	100%	
3	Ông Yoshitaka Hitomi	Thành viên	12/04/2019	1/2	50%	

❖ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2020, BKS tiếp tục thực hiện kiểm tra, giám sát và đề xuất HĐQT thực hiện những thay đổi cần thiết nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, tăng cường hoạt động quản trị và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Những hoạt động chính của BKS trong năm 2020 như sau:

- Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc (BGĐ) trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.
- Giám sát HĐQT, TGD và BGĐ trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và các dự án đầu tư đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- Rà soát và kiểm tra các báo cáo tài chính (quý, bán niên và báo cáo năm) trong năm 2020 đã được soát xét và kiểm toán bởi KPMG Việt Nam để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm toán cũng như đảm bảo tính minh bạch, chính xác và đáng tin cậy của các báo cáo tài chính.
- Giám sát việc sáp nhập **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM AVA** vào công ty. Việc sáp nhập đã tuân thủ pháp luật, điều lệ và quy định hiện hành.

❖ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Tham dự cuộc họp và/hoặc tham gia thảo luận trong các cuộc họp HĐQT.
Phối hợp với HĐQT trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban Giám đốc.

3. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC ĐƯỢC HĐQT BỔ NHIỆM VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

3.1. Chi phí hoạt động của HĐQT

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Takeshi Fukushima	Chủ tịch HĐQT	1,119,860,000	Phí biệt phái (từ 1/1/2020 – 31/12/2020)
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	1,818,000,000	Lương (từ 1/1/2020 – 31/12/2020)
	Cộng		2,937,860,000	

3.2 Chi phí hoạt động của Tổng Giám đốc:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Yutaka Ogami	Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT (Từ 1/1/2020 đến 10/04/2020) Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (Từ 11/4/2020 đến 31/12/2020)	1,676,610,000	Phí biệt phái
	Cộng		1,676,610,000	

3.3 Thù lao của HĐQT: Không

3.4 Chi phí hoạt động của Người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Ryuta Onda	Thành viên BGD/ Giám đốc Nhà máy	559,930,000	Phí biệt phái (từ 1/1/2020 – 31/12/2020)
2	Ông Tomohide Ito	Thành viên BGD/ Giám đốc Kế hoạch	1,119,860,000	Phí biệt phái (từ 1/1/2020 – 31/12/2020)
3	Ông Nguyễn Hồng Phong	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán	804,780,000	Lương (từ 1/1/2020 – 31/12/2020)
	Cộng		2,484,570,000	

3.5. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thanh Bách	Trưởng ban	578,598,000	Lương (từ 1/1/2020 – 31/12/2020)
	Cộng		578,598,000	

Ghi chú: Phí biệt phái là khoản thanh toán của Công ty cho Kirin Holdings Company, Limited theo hợp đồng biệt phái, không trực tiếp chi trả cho các thành viên liên quan.

3.6.Thù lao của BKS: Không

4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2020, không phát sinh giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan.

5. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(A) Giao dịch giữa công ty và Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt Nam – Tổ chức liên quan - (ĐVT 1000 Đồng)

- (1) Phí gia công: 217.214.805
- (2) Mua dịch vụ: 2.378.550
- (3) Bán thành phẩm: 256.415
- (4) Mua hàng hóa: 1.961.092

(B) Giao dịch giữa công ty và Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt Nam (VKBC) – Tổ chức liên quan

Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần: Đã mua lại cổ phần thuộc quyền sở hữu của VKBC tại công ty con - Công ty TNHH Thực phẩm Ava.

(C) Giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Thực phẩm AVA - Tổ chức liên quan - (ĐVT 1000 Đồng)

- (1) Khoản vay ngắn hạn: 14.000.000
- (2) Thu nhập lãi vay: 1.157.069
- (3) Phí gia công chế biến: 12.499.883
- (4) Phí thuê nhà máy và văn phòng: 2.966.106

(D) Giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Thực phẩm Ava - Tổ chức liên quan

Hợp đồng sáp nhập: Sáp nhập Công ty TNHH Thực phẩm Ava (công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600563391 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1052118511) vào Công ty

(E) Giao dịch giữa Công ty và Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Thành viên HĐQT – Cá nhân liên quan

Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần: Đã mua lại cổ phần thuộc quyền sở hữu của Bà Nguyễn Thị Kim Liên tại công ty con - Công ty TNHH Thực phẩm Ava.

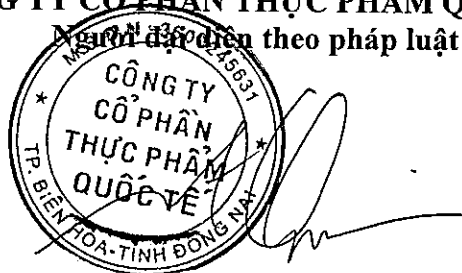
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020 (ĐÍNH KÈM)

- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ

Người đại diện theo pháp luật



YUTAKA OGAMI



Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood)

Lô 13, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai - Tel: (0251) 3511138 - Fax: (0251) 3512498

Website: www.wonderfarmonline.com



12
14
17
21
26
27

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033000328 (điều chỉnh lần 1) ngày 28 tháng 11 năm 2007
472033000328 (điều chỉnh lần 2) ngày 20 tháng 5 năm 2010
472033000328 (điều chỉnh lần 3) ngày 22 tháng 4 năm 2011
472033000328 (điều chỉnh lần 4) ngày 18 tháng 10 năm 2011
472033000328 (điều chỉnh lần 5) ngày 14 tháng 5 năm 2014
472033000328 (điều chỉnh lần 6) ngày 30 tháng 12 năm 2015
6525867086 (điều chỉnh lần 7) ngày 5 tháng 2 năm 2016
6525867086 (điều chỉnh lần 8) ngày 28 tháng 12 năm 2016
6525867086 (điều chỉnh lần 9) ngày 25 tháng 1 năm 2017
6525867086 (điều chỉnh lần 10) ngày 8 tháng 4 năm 2018
6525867086 (điều chỉnh lần 11) ngày 1 tháng 10 năm 2019
6525867086 (điều chỉnh lần 12) ngày 21 tháng 9 năm 2020

Giấy phép Đầu tư đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Đầu tư số 270/CPH/GCNDDC3-BHK ngày 23 tháng 8 năm 2006. Giấy phép Đầu tư và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Các Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600245631 ngày 21 tháng 1 năm 2016
3600245631 ngày 19 tháng 3 năm 2018
3600245631 ngày 5 tháng 7 năm 2019
3600245631 ngày 30 tháng 6 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Takeshi Fukushima	Chủ tịch (từ ngày 10 tháng 4 năm 2020) Thành viên (đến ngày 10 tháng 4 năm 2020)
Yutaka Ogami	Chủ tịch (đến ngày 10 tháng 4 năm 2020) Thành viên (từ ngày 10 tháng 4 năm 2020)
Toru Yoshimura	Thành viên
Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
Koichi Ogawa	Thành viên (từ ngày 10 tháng 4 năm 2020)
Takashi Suda	Thành viên (đến ngày 10 tháng 4 năm 2020)

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Giám đốc	Yutaka Ogami Ryuta Onda Nguyễn Thị Kim Liên Tomohide Ito Takeshi Fukushima	Tổng Giám đốc/Giám đốc Hành chính Giám đốc/Giám đốc Nhà máy Giám đốc/Giám đốc Kiểm soát Nội bộ Giám đốc/Giám đốc Kế hoạch Giám đốc/Giám đốc Marketing/ Giám đốc Kinh doanh
Trụ sở đăng ký	Lô 13, Khu Công nghiệp Tam Phước Phường Tam Phước, Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo của Ban Giám đốc

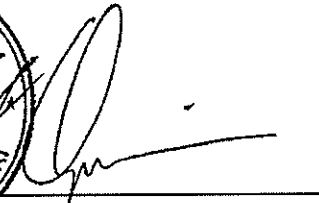
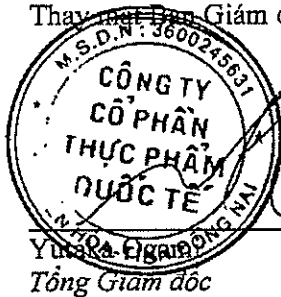
Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

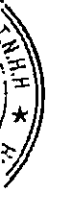
- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Yusuf H. H. H.
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2021





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



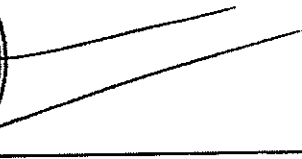
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00294-21-1




Duong Vinh Phuc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0864-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND'000	1/1/2020 VND'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		968.695.797	838.133.708
Tiền	110	6	720.073.459	517.046.649
Tiền	111		720.073.459	517.046.649
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.974.163	111.919.864
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29.876.650	35.389.941
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.752.519	8.920.595
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	69.341.174
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	10.421.030	275.956
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	7	(4.076.036)	(2.007.802)
Hàng tồn kho	140	9	205.657.658	207.482.930
Hàng tồn kho	141		206.026.452	207.897.813
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(368.794)	(414.883)
Tài sản ngắn hạn khác	150		990.517	1.684.265
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		849.294	1.226.627
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		141.223	457.638

10017
 CH
 CÔN
 NH

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND'000	1/1/2020 VND'000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		143.940.416	151.877.868
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.750.728	1.750.728
Phải thu dài hạn khác	216		1.750.728	1.750.728
Tài sản cố định	220		102.812.522	39.139.589
Tài sản cố định hữu hình	221	10	99.425.233	34.375.984
Nguyên giá	222		425.648.243	195.468.456
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(326.223.010)	(161.092.472)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	36.410	76.131
Nguyên giá	225		198.603	198.603
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(162.193)	(122.472)
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.350.879	4.687.474
Nguyên giá	228		14.082.575	14.082.575
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.731.696)	(9.395.101)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	93.031.155
Đầu tư vào công ty con	251		-	94.145.809
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.114.654)
Tài sản dài hạn khác	260		39.377.166	17.956.396
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	25.447.345	1.865.903
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	13.929.821	16.090.493
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.112.636.213	990.011.576

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND'000	1/1/2020 VND'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		175.117.798	207.526.931
Nợ ngắn hạn	310		171.384.889	203.992.242
Phải trả người bán	311	16	62.846.973	84.825.787
Người mua trả tiền trước	312		8.614.232	10.639.429
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	29.883.005	26.636.285
Phải trả người lao động	314		7.710.878	7.391.247
Chi phí phải trả	315	18	61.520.749	73.478.545
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	809.052	1.020.949
Nợ dài hạn	330		3.732.909	3.534.689
Nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	49.382	98.110
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	3.683.527	3.436.579
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		937.518.415	782.484.645
Vốn chủ sở hữu	410	22	937.518.415	782.484.645
Vốn cổ phần	411	23	871.409.840	871.409.840
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		871.409.840	871.409.840
Thặng dư vốn cổ phần	412		85.035.704	85.035.704
Vốn khác của chủ sở hữu	420	24	90.034.048	90.034.048
Lỗi lũy kế	421		(108.961.177)	(263.994.947)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(263.994.947)	(487.188.948)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		155.033.770	223.194.001
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.112.636.213	990.011.576

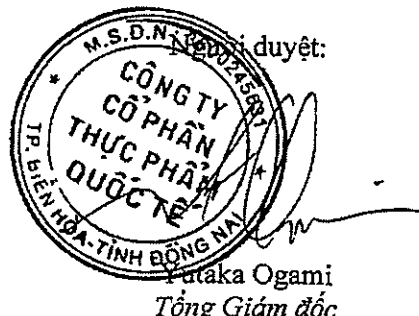
Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Yataka Ogami
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND'000	2019 VND'000
Doanh thu bán hàng	01	26	1.539.322.364	1.796.760.939
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	130.142.893	162.022.816
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	26	1.409.179.471	1.634.738.123
Giá vốn hàng bán	11	27	837.324.927	961.341.669
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		571.854.544	673.396.454
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	4.124.856	5.523.393
Chi phí tài chính	22	29	76.295.040	3.702.214
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.209	29.403
Chi phí bán hàng	25	30	267.397.928	343.704.732
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	35.737.479	33.353.806
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		196.548.953	298.159.095
Thu nhập khác	31		1.198.427	809.080
Chi phí khác	32	32	3.316.221	10.167.642
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.117.794)	(9.358.562)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		194.431.159	288.800.533
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	37.417.627	63.489.408
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	1.979.762	2.117.124
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		155.033.770	223.194.001

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND'000	2019 VND'000
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	60		155.033.770	223.194.001
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng Việt Nam)	70	35	1.779	2.561


Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:




Nguyễn Hồng Phong
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Yuka Ogami
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND'000	2019 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		194.431.159	288.800.533
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		17.260.622	17.302.624
Các khoản dự phòng	03		1.610.310	3.375.780
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.791	15.125
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.719.193)	1.834.834
Lỗ từ sáp nhập	05		77.224.915	-
Chi phí lãi vay	06		18.209	29.403
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		286.836.813	311.358.299
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		16.046.637	22.536.583
Biến động hàng tồn kho	10		1.359.100	14.405.283
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(38.128.593)	(13.853.566)
Biến động chi phí trả trước	12		3.519.281	311.083
			269.633.238	334.757.682
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.209)	(29.403)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(33.147.069)	(54.774.097)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		236.467.960	279.954.182
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(4.637.750)	(1.785.899)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		204.182	970.106
Tiền chi cho vay	23		(14.000.000)	(25.000.000)
Tiền chi đầu tư vào một công ty con	25		(19.594.705)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		2.907.441	901.304
Tiền tăng từ sáp nhập	28	5	1.730.047	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.390.785)	(24.914.489)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

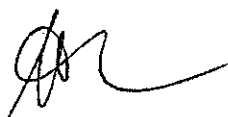
Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND'000	2019 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(48.728)	(38.471)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(48.728)	(38.471)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		203.028.447	255.001.222
Tiền đầu năm	60		517.046.649	262.045.427
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		(1.637)	-
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	720.073.459	517.046.649

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Yutaka Ogami
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 61/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Theo Thông báo số 395/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được hủy niêm yết kể từ ngày 3 tháng 5 năm 2013 và sau đó được giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 7 tháng 11 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản và thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm; sản xuất các loại bánh và thức ăn nhẹ; chế biến nước trái cây có ga và không ga, chế biến nước giải khát không ga và có ga, có độ cồn thấp hoặc không có cồn (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước uống tinh khiết; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 584 nhân viên (1/1/2020: 617 nhân viên).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Cơ sở kế toán sáp nhập

Trong tháng 5 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc sáp nhập Công ty và công ty con, Công ty TNHH Thực phẩm Ava (trước đây là “Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava”) (“Avafood”). Vào ngày 25 tháng 5 năm 2020, Công ty đã ký một thỏa thuận sáp nhập với Avafood, trong đó Công ty nhận sáp nhập toàn bộ tài sản và chấp nhận các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ, các hợp đồng lao động và các nghĩa vụ thuế của Avafood tại ngày 30 tháng 6 năm 2020. Công ty còn tồn tại sau sáp nhập là Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế. Sau khi sáp nhập, Avafood sẽ chấm dứt hoạt động. Công ty đã điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600245631 ngày 30 tháng 6 năm 2020 để phản ánh sự thay đổi trên.

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của Avafood trước khi sáp nhập. Công ty đã hạch toán việc sáp nhập chịu sự kiểm soát chung này bằng cách áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Theo cơ sở kế toán sáp nhập, các tài sản và nợ phải trả của Avafood được mang sang theo giá trị ghi sổ hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Công ty. Kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Avafood sau ngày 30 tháng 6 năm 2020, ngày sáp nhập có hiệu lực. Tất cả các giao dịch và số dư trọng yếu trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình sáp nhập.

Chênh lệch giữa giá trị đầu tư vào công ty con và giá trị ghi sổ của tài sản thuần khi sáp nhập được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn (“VND’000”).



Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

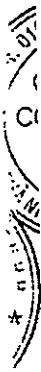
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư vào một công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, khoản đầu tư vào một công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	30 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

==
31
H
N
K
/ 25
==

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa và bảo dưỡng được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f)(ii).

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Công ty được lập lần lượt theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và bộ phận chia theo vùng địa lý.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu trong ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh thực phẩm và đồ uống và chủ yếu ở một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Sáp nhập

Trong tháng 3 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc mua số cổ phần còn lại của Công ty TNHH Thực phẩm Avafood (trước đây là “Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava”) (“Avafood”) từ các cổ đông hiện hữu khác.

Trong tháng 4 năm 2020, Công ty đã mua 777.600 cổ phiếu còn lại của Avafood từ các cổ đông hiện hữu khác với tổng số tiền là 19.595 triệu VND. Do kết quả của giao dịch này, Avafood đã trở thành một công ty con sở hữu toàn bộ bởi Công ty.

Trong tháng 5 năm 2020, Avafood nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh số 1052118511 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, trong giấy chứng nhận điều chỉnh này, Avafood được chấp thuận để thay đổi loại hình doanh nghiệp từ một công ty cổ phần thành một công ty trách nhiệm hữu hạn. Theo đó, tên của Avafood cũng được thay đổi từ “Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava” sang “Công ty TNHH Thực phẩm Ava”.

Trong tháng 5 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc sáp nhập Công ty và Avafood. Vào ngày 25 tháng 5 năm 2020, Công ty đã ký một thỏa thuận sáp nhập với Avafood. Theo thỏa thuận sáp nhập này, toàn bộ tài sản và nợ phải trả của Avafood được mang sang Công ty theo giá trị ghi sổ. Việc sáp nhập được hoàn tất vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Avafood đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày đó.

Việc sáp nhập có những ảnh hưởng sau lên báo cáo tài chính của Công ty vào ngày sáp nhập:

	Giá trị được ghi nhận khi sáp nhập VND'000
Tiền	1.730.047
Trả trước cho người bán, thuần	193.401
Phải thu ngắn hạn khác	9.861
Tài sản ngắn hạn khác	149.170
Tài sản cố định hữu hình, thuần	76.845.304
Chi phí trả trước dài hạn	26.574.220
Thuế phải nộp Nhà nước	(600.032)
Vay ngắn hạn	(67.485.654)
Phải trả ngắn hạn khác	(608.899)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(180.910)
Dự phòng phải trả dài hạn	(110.910)
	36.515.598
Tài sản thuần được sáp nhập	(113.740.513)
Giá gốc khoản đầu tư vào Avafood	(77.224.915)
Lỗ từ việc sáp nhập (Thuyết minh 29)	1.730.047
Tiền tăng từ sáp nhập	1.730.047

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND'000	VND'000
Tiền mặt	186.876	252.305
Tiền gửi ngân hàng	719.886.583	516.794.344
	720.073.459	517.046.649

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND'000	VND'000
Công ty TNHH Dịch vụ EB	6.967.711	7.976.751
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp VinCommerce	5.522.083	6.785.952
Công ty TNHH MM Mega Market Việt Nam	2.818.191	4.789.915
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	3.849.707	2.804.313
Các khách hàng khác	10.718.958	13.033.010
	29.876.650	35.389.941

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2020	1/1/2020
	VND'000	VND'000
Ngắn hạn	29.876.650	35.389.941

Biến động dự phòng nợ khó đòi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND'000	VND'000
Số dư đầu năm	2.007.802	2.007.802
Trích lập dự phòng trong năm	2.068.234	-
	4.076.036	2.007.802

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

	31/12/2020 VND'000	1/1/2020 VND'000
Phải thu về điều chỉnh giá nhôm mua từ Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown (Đồng Nai)	9.789.808	-
Phải thu khác	631.222	275.956
	10.421.030	275.956

9. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000
Hàng mua đang đi đường	592.271	-	9.719.234	-
Nguyên vật liệu	40.851.018	(64.215)	49.850.128	(64.631)
Công cụ và dụng cụ	6.550.036	(296.819)	4.560.503	(296.819)
Sản phẩm dở dang	9.310.372	-	7.847.627	-
Thành phẩm	148.722.755	(7.760)	135.920.321	(53.433)
	206.026.452	(368.794)	207.897.813	(414.883)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2020 VND'000	2019 VND'000
Số dư đầu năm	414.883	300.052
Trích lập dự phòng trong năm	466.172	1.965.042
Sử dụng dự phòng trong năm	(512.261)	(1.850.211)
	368.794	414.883

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	178.188.596	6.574.135	10.705.725	195.468.456
Tăng từ sáp nhập (Thuyết minh 5)	117.748.737	108.888.438	252.019	1.363.182	228.252.376
Tăng trong năm	-	4.637.750	-	-	4.637.750
Thanh lý	-	(1.357.570)	(1.352.769)	-	(2.710.339)
Số dư cuối năm	117.748.737	290.357.214	5.473.385	12.068.907	425.648.243
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	148.222.306	5.515.014	7.355.152	161.092.472
Tăng từ sáp nhập (Thuyết minh 5)	49.918.624	100.096.400	252.019	1.140.029	151.407.072
Khấu hao trong năm	1.991.105	12.155.762	203.745	1.533.694	15.884.306
Thanh lý	-	(1.124.275)	(1.036.565)	-	(2.160.840)
Số dư cuối năm	51.909.729	259.350.193	4.934.213	10.028.875	326.223.010
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	29.966.290	1.059.121	3.350.573	34.375.984
Số dư cuối năm	65.839.008	31.007.021	539.172	2.040.032	99.425.233

Trong tài sản cố định hữu hình tại 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 66.525 triệu VND (1/1/2020: 38.645 triệu VND), đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2020 là 769 triệu VND (1/1/2020: 114 triệu VND).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Thiết bị văn phòng VND'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	198.603
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	122.472
Khấu hao trong năm	39.721
Số dư cuối năm	162.193
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	76.131
Số dư cuối năm	36.410

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	14.082.575
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	9.395.101
Khấu hao trong năm	1.336.595
Số dư cuối năm	10.731.696
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.687.474
Số dư cuối năm	3.350.879

Trong tài sản cố định vô hình tại 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 1.851 triệu VND (1/1/2020: 1.851 triệu VND), đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư vào một công ty con

	31/12/2020		1/1/2020	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND'000
Công ty TNHH Thực phẩm Ava (trước đây là "Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava") ("Avafood") (*)	-	-	90,4%	94.145.809 (1.114.654)
				Dự phòng VND'000
				Giá gốc VND'000

(*) Trong năm, Avafood đã được sáp nhập vào Công ty. Xem Thuyết minh 5 để biết thêm thông tin.

Biến động trong năm của khoản đầu tư vào một công ty con như sau:

	2020	2019
Số dư đầu năm	94.145.809	94.145.809
Tăng trong năm	19.594.705	-
Giảm do sáp nhập	(113.740.514)	-
Số dư cuối năm	-	94.145.809

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2020 VND'000	2019 VND'000
Số dư đầu năm	1.114.654	-
Tăng dự phòng trong năm	-	1.114.654
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.114.654)	-
Số dư cuối năm	-	1.114.654

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND'000	Công cụ và dụng cụ VND'000	Khác VND'000	Tổng VND'000
Số dư đầu năm	-	1.865.903	-	1.865.903
Tăng từ sáp nhập (Thuyết minh 5)	23.141.517	-	3.432.703	26.574.220
Phân bổ trong năm	(347.993)	(1.230.006)	(1.414.779)	(2.992.778)
Số dư cuối năm	22.793.524	635.897	2.017.924	25.447.345

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2020 VND'000	1/1/2020 VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:			
Chi phí phải trả	20%	12.304.150	14.695.709
Các khoản dự phòng	20%	1.625.671	1.394.784
		13.929.821	16.090.493

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam	15.864.811	15.864.811	20.689.633	20.689.633
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown (Đồng Nai)	6.191.366	6.191.366	13.976.584	13.976.584
Công ty TNHH Việt Nam Chuanli Can Manufacturing	10.669.448	10.669.448	11.319.447	11.319.447
Các nhà cung cấp khác	30.121.348	30.121.348	38.840.123	38.840.123
	62.846.973	62.846.973	84.825.787	84.825.787

(b) Phải trả người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Ngắn hạn	62.846.973	62.846.973	84.825.787	84.825.787

(c) Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam	15.864.811	15.864.811	20.689.633	20.689.633

Khoản phải trả cho Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam phản ánh khoản phí gia công phải trả, không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND'000	Phát sinh VND'000	Tăng từ sáp nhập (Thuyết minh 5) VND'000	Nộp VND'000	Cán trừ VND'000	31/12/2020 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	8.835.596	139.283.359	150.477	(60.516.521)	(79.624.647)	8.128.264
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.488.491	37.417.627	445.327	(33.147.069)	-	21.204.376
Thuế thu nhập cá nhân	802.573	4.763.013	4.228	(5.019.449)	-	550.365
Các loại thuế khác	509.625	2.774.079	-	(3.283.704)	-	-
	26.636.285	184.238.078	600.032	(101.966.743)	(79.624.647)	29.883.005

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND'000	1/1/2020 VND'000
Chiết khấu thương mại và hoa hồng bán hàng	15.502.515	26.134.413
Chi phí khuyến mãi	25.740.515	26.364.770
Chi phí vận chuyển	4.022.911	6.375.434
Phí đặc phái nhân viên (*)	3.238.171	2.985.832
Chi phí khác	13.016.637	11.618.096
	61.520.749	73.478.545

(*) Theo Hợp đồng đặc phái nhân viên ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty đã đồng ý trả phí đặc phái nhân viên cho Kirin Holdings Company, Limited, một bên liên quan, là đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược và quản trị doanh nghiệp và hỗ trợ cho Công ty với một mức phí cố định được quy định trong hợp đồng cho từng nhân viên cụ thể.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND'000	1/1/2020 VND'000
Cổ tức phải trả	505.391	505.391
Phải trả phí thương mại cho một bên liên quan	74.393	244.354
Phải trả khác	229.268	271.204
	809.052	1.020.949

Khoản phải trả phí thương mại cho một bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020 VND'000	1/1/2020 VND'000
Nợ thuê tài chính	49.382	98.110

Điều khoản và điều kiện của các khoản nợ thuê tài chính như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND'000	1/1/2020 VND'000
Nợ từ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	VND	21,6%	2021	49.382	98.110

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND'000	Tiền lãi thuê VND'000	Nợ gốc VND'000
Trong vòng 1 năm	60.049	10.667	49.382

21. Dự phòng phải trả

Biến động trong năm của dự phòng phải trả như sau:

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND'000
Số dư đầu năm	3.436.579
Dự phòng trích lập trong năm	190.558
Tăng từ sáp nhập (Thuyết minh 5)	110.910
Dự phòng sử dụng trong năm	(54.520)
Số dư cuối năm	3.683.527

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Vốn khác của chủ sở hữu VND'000	Lỗi lũy kế VND'000	Tổng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	871.409.840	85.035.704	90.034.048	(487.188.948)	559.290.644
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	223.194.001	223.194.001
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	871.409.840	85.035.704	90.034.048	(263.994.947)	782.484.645
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	155.033.770	155.033.770
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	871.409.840	85.035.704	90.034.048	(108.961.177)	937.518.415

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020	và 1/1/2020
	Số cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.140.992	871.409.920
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.140.984	871.409.840

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

24. Vốn khác của chủ sở hữu

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013, Công ty đã thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán từ Đô la Mỹ (“USD”) sang Đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với các quy định trong Thông tư số 244/2010/TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, toàn bộ số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái là 1 USD đổi 20.828 VND. Khoản chênh lệch giữa giá trị được quy đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 90.034.048.000 VND được ghi nhận trong vốn khác của chủ sở hữu.

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND'000	VND'000
Trong vòng 1 năm	4.179.845	12.128.526
Trong vòng 2 đến 5 năm	1.350.169	3.410.595
	5.530.014	15.539.121

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	68.273	1.572.669	30.422	702.750
EUR	-	-	295	7.628
		<u>1.572.669</u>		<u>710.378</u>

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND'000	2019 VND'000
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ bán nước giải khát	1.269.395.955	1.526.506.783
▪ Doanh thu từ bán các sản phẩm khác	266.833.874	269.220.149
▪ Doanh thu từ bán phế liệu	3.092.535	1.034.007
	<u>1.539.322.364</u>	<u>1.796.760.939</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	130.142.893	162.022.816
	<u>130.142.893</u>	<u>162.022.816</u>
Doanh thu thuần	<u>1.409.179.471</u>	<u>1.634.738.123</u>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Giá vốn hàng bán

	2020 VND'000	2019 VND'000
Tổng giá vốn hàng bán:		
▪ Giá vốn của nước giải khát	697.820.761	855.373.508
▪ Giá vốn của các sản phẩm khác	139.504.166	105.968.161
	837.324.927	961.341.669

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND'000	2019 VND'000
Lãi từ các khoản cho Avafood vay	1.157.069	2.443.838
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.907.441	901.304
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	60.346	2.178.251
	4.124.856	5.523.393

29. Chi phí tài chính

	2020 VND'000	2019 VND'000
Lỗ do sáp nhập (Thuyết minh 5)	77.224.915	-
(Hoàn nhập)/lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.114.654)	1.114.654
Chi phí lãi vay	18.209	29.403
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	166.570	2.558.157
	76.295.040	3.702.214

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí bán hàng

	2020 VND'000	2019 VND'000
Chi phí nhân viên và chi phí hỗ trợ	131.731.424	165.801.063
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	51.230.737	73.033.487
Chi phí vận chuyển	63.294.787	75.463.451
Chi phí thuê	9.168.460	10.324.991
Chi phí khác	11.972.520	19.081.740
	267.397.928	343.704.732

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND'000	2019 VND'000
Chi phí nhân viên	12.328.110	12.447.274
Chi phí tư vấn	3.848.720	3.203.700
Chi phí thuê	3.883.824	3.852.342
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.253.585	3.026.623
Chi phí dự phòng	2.258.792	296.084
Chi phí khác	10.164.448	10.527.783
	35.737.479	33.353.806

32. Chi phí khác

	2020 VND'000	2019 VND'000
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	345.317	5.179.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình không sử dụng	2.520.914	3.730.957
Chi phí khác	449.990	1.256.709
	3.316.221	10.167.642

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND'000	2019 VND'000
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	560.216.517	616.249.736
Chi phí nhân công và nhân viên và chi phí hỗ trợ	182.164.595	213.864.792
Chi phí khấu hao	17.260.622	17.302.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	397.870.677	481.126.768
Chi phí khác	18.818.785	25.281.146
	560.216.517	616.249.736

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020 VND'000	2019 VND'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	37.417.627	57.918.824
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	5.570.584
	37.417.627	63.489.408
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.979.762	2.117.124
	1.979.762	2.117.124
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	39.397.389	65.606.532

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND'000	2019 VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	194.431.159	288.800.533
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	38.886.232	57.760.106
Chi phí không được khấu trừ thuế	692.067	2.275.842
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(180.910)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	5.570.584
	39.397.389	65.606.532

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên. Do đó, từ năm 2006 trở đi Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi.

Theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 (Nghị định này thay thế Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003), Công ty được hưởng ưu đãi thuế do việc dời địa điểm hoạt động kinh doanh về khu vực ngoại ô. Trong năm 2006, Công ty đã dời một trong các dây chuyền sản xuất từ Thành phố Biên Hòa ra Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên Hòa. Theo đó, lợi nhuận phát sinh từ dây chuyền sản xuất này sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 6 năm tiếp theo. Cũng theo Nghị định này, Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với các khoản đầu tư vào các dây chuyền sản xuất mới đủ điều kiện của Nghị định này. Khoản ưu đãi thuế này bao gồm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo cho lợi nhuận của các dây chuyền sản xuất mới này.

Theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (Nghị định này thay thế Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007) và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2012 (cung cấp một số điều chỉnh đối với Nghị định số 124/2008/NĐ-CP), Công ty sẽ tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007.

Theo Công văn số 11924/TC-CST do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm sau khi niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã hoàn tất việc đăng ký với cơ quan thuế để được áp dụng các khoản ưu đãi thuế này bắt đầu từ năm 2007.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 VND'000	2019 VND'000
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	155.033.769	223.194.001

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020	2019
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	87.140.984	87.140.984

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND'000	2019 VND'000
<i>Công ty mẹ cấp cao</i>		
Kirin Holdings Company, Limited		
Phí đặc phái nhân viên	6.390.686	5.896.570
Mua nguyên liệu	699.750	696.100
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Thực phẩm Ava (trước đây là “Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava”)		
Cho vay ngắn hạn	14.000.000	25.000.000
Thu nhập lãi cho vay	1.157.069	2.443.838
Phí gia công	12.499.883	25.296.229
Phí thuê nhà xưởng và văn phòng	2.966.106	5.932.212
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam		
Phí gia công	217.214.805	258.849.030
Mua dịch vụ	2.378.550	2.171.170
Bán hàng	256.415	387.007
Hàng bán bị trả lại	-	29.967
Mua hàng hóa	1.969.035	-
Mua lại khoản đầu tư trong Avafood	18.779.040	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Phí đặc phái nhân viên	4.482.240	4.473.120
Tiền lương	1.818.000	1.818.000

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2020 VND'000	2019 VND'000
Loại trừ các khoản phải thu về cho vay và vay ngắn hạn do sáp nhập	67.485.654	-
Cần trừ các khoản phải trả với các khoản phải thu về cho vay và lãi cho vay từ một công ty con	17.012.589	34.351.285
Chuyển lãi cho vay phải thu sang cho vay ngắn hạn phải thu	1.157.069	2.443.838

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019.

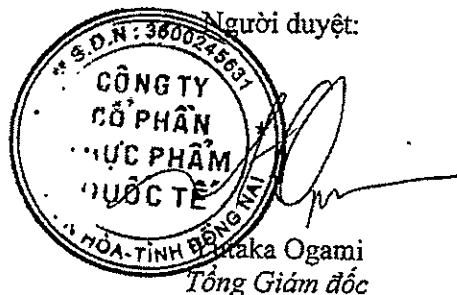
Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Takara Ogami
Tổng Giám đốc